

## CƠ SỞ XÂY DỰNG BỘ CÔNG CỤ THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ MẪU GIÁO 5 TUỔI TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH DỰA TRÊN BỘ CHUẨN PHÁT TRIỂN TRẺ EM 5 TUỔI VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ KIM ANH\*

### TÓM TẮT

*Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) đã ban hành Quy định về Bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi (Bộ CPTTE 5 tuổi) kèm theo Thông tư số 23/2010/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 7 năm 2010. Trên cơ sở này, các sở GD&ĐT tiến hành lựa chọn các chỉ số để xây dựng bộ công cụ theo dõi, đánh giá sự phát triển của trẻ 5 tuổi sao cho phù hợp với thực tế địa phương. Kết quả nghiên cứu đã chứng minh cơ sở xây dựng bộ công cụ theo dõi, đánh giá sự phát triển của trẻ mẫu giáo 5 tuổi tại Thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM) đó là: cơ sở pháp lý, cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn. Đặc biệt, nhu cầu sử dụng các phương pháp theo dõi, đánh giá sự phát triển của trẻ 5 tuổi tập trung vào: Quan sát; Bài tập; Trò chuyện và Phân tích sản phẩm của trẻ.*

**Từ khóa:** bộ công cụ theo dõi - đánh giá, sự phát triển của trẻ mẫu giáo 5 tuổi, cơ sở xây dựng bộ công cụ.

### ABSTRACT

***The foundation for designing the toolkit for monitoring and evaluating the development of five –year –old children in Ho Chi Minh City based on the standards of development for five –year –old Vietnamese children***

*The Ministry of Education and Training (MOET) has issued Regulations on the Standards of Development for 5-year-old children (SOD 5 years old), accompanied by Circular No. 23/2010/TT-BGDĐT July 23, 2010. On the basis of this, the departments of Education and Training shall select indicators to build the toolkit for monitoring and evaluating the development of 5-year-old children to best suit local reality. Especially the demand for methods to monitor and evaluate the development of five-year-old children focuses on: Observation, Exercise, Communication and Analysis of products.*

**Keywords:** toolkit for monitoring and evaluating, development of 5-year-old children, the foundation for designing the toolkit.

### 1. Đặt vấn đề

Bộ Giáo dục & Đào tạo đã ban hành Quy định về Bộ CPTTE 5 tuổi kèm theo Thông tư số 23/2010/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 7 năm 2010. Trên cơ sở Bộ CPTTE 5 tuổi, các Sở GD&ĐT lựa

chọn các chỉ số để xây dựng bộ công cụ theo dõi, đánh giá sự phát triển của trẻ phù hợp với thực tế địa phương. Để hướng dẫn triển khai thực hiện Bộ CPTTE 5 tuổi, Bộ GD&ĐT ban hành công văn số 481/BGDĐT-GDMN ngày 29 tháng 01 năm 2011 chỉ đạo các Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh, thành phố và Ban Phụ nữ quân đội tổ chức tuyên

---

\* TS, Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương TPHCM

truyền, phổ biến trong các cơ sở giáo dục mầm non (GDMN) và cộng đồng về mục đích, ý nghĩa, nội dung Bộ CPTTE 5 tuổi.

Trong khuôn khổ đề tài nghiên cứu khoa học “Xây dựng bộ công cụ theo dõi, đánh giá sự phát triển của trẻ mẫu giáo 5 tuổi do Bộ GD&ĐT ban hành năm 2010”, chúng tôi đã nghiên cứu cơ sở xây dựng bộ công cụ theo dõi, đánh giá sự phát triển của trẻ mẫu giáo 5 tuổi để trả lời các câu hỏi:

- Cơ sở nào để xây dựng bộ công cụ theo dõi, đánh giá trẻ mẫu giáo 5 tuổi?
- Nhu cầu lựa chọn công cụ theo dõi, đánh giá sự phát triển của trẻ mẫu giáo 5 tuổi của cơ sở GDMN hiện nay như thế nào?
- Mức độ tổ chức thực hiện bộ công cụ theo dõi, đánh giá sự phát triển của trẻ 5 tuổi ở các địa phương như thế nào?

## 2. Giải quyết vấn đề

Để giải quyết nhiệm vụ nghiên cứu cơ sở xây dựng bộ công cụ theo dõi, đánh giá sự phát triển của trẻ mẫu giáo 5 tuổi và trả lời các câu hỏi trên, chúng tôi đã nghiên cứu cơ sở pháp lý, cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của đề tài.

### 2.1. Cơ sở pháp lý

Điều 22 Luật Giáo dục đã quy định: “GDMN là một bộ phận của hệ thống giáo dục quốc dân, mục tiêu của GDMN nhằm giúp trẻ phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1”.

Phát triển GDMN là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước. Đảng và Chính phủ ban hành nhiều chủ trương, chính

sách để phát triển GDMN. Kế hoạch hành động quốc gia giáo dục cho mọi người 2003-2015 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đã nhấn mạnh mục tiêu đảm bảo cho tất cả trẻ em hoàn thành một năm giáo dục tiền học đường có chất lượng để chuẩn bị cho trẻ vào tiểu học.

Quyết định 149/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án phát triển GDMN giai đoạn 2006-2015 xác định rõ quan điểm chỉ đạo là: “Từng bước thực hiện đổi mới nội dung, phương pháp GDMN theo nguyên tắc đảm bảo đồng bộ, phù hợp, tiên tiến, gắn với đổi mới giáo dục phổ thông, chuẩn bị tốt cho trẻ vào lớp 1, góp phần tích cực thiết thực nâng cao chất lượng giáo dục”.

Đặc biệt Quyết định số 239/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ký ngày 9-2-2010 phê duyệt Đề án Phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi đã nhấn mạnh: “Phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong GDMN nhằm chuẩn bị tốt cho trẻ em vào lớp 1 đối với tất cả các vùng miền trong cả nước” [1].

Bộ CPTTE 5 tuổi Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số: 23/2010/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ngày 23 tháng 7 năm 2010, giúp làm rõ những mong đợi của cha mẹ, nhà giáo dục, cộng đồng, xã hội, tạo sự đồng thuận trong chăm sóc giáo dục trẻ. Bộ CPTTE 5 tuổi là cơ sở để xây dựng bộ công cụ theo dõi đánh giá sự phát triển của trẻ mẫu giáo 5 tuổi, thiết lập cơ sở cho việc theo dõi, đo lường; trên cơ sở đó có những tác động phù hợp đối với trẻ, tạo tiền đề cho những bước tiếp theo

trong việc chuẩn bị sẵn sàng đến trường của trẻ mẫu giáo 5 tuổi. [1]

Bộ GD&ĐT đã ban hành hướng dẫn triển khai thực hiện Bộ CPTTE 5 tuổi trong năm học 2013 - 2014 ở tất cả các cơ sở GDMN trên cả nước. Trước khi triển khai nhân rộng, các Sở GD&ĐT, Ban Phụ nữ quân đội cần chỉ đạo thực hiện điềm. Việc xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Bộ CPTTE 5 tuổi theo từng năm học đối với 15 tỉnh đã được tập huấn Bộ CPTTE 5 tuổi. Bộ GD&ĐT yêu cầu cần chủ động tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho 100% cán bộ quản lí, giáo viên dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi trong các cơ sở GDMN và cộng đồng về mục đích, ý nghĩa, nội dung Bộ CPTTE 5 tuổi. Trên cơ sở Bộ CPTTE 5 tuổi, các sở GD&ĐT lựa chọn các chỉ số để xây dựng bộ công cụ theo dõi, đánh giá sự phát triển của trẻ phù hợp với thực tế địa phương trước khi triển khai trên diện rộng. Bộ GD&ĐT cũng yêu cầu các Sở GD&ĐT báo cáo kết quả triển khai thực hiện bộ chuẩn hàng năm về Bộ GD&ĐT theo báo cáo năm học.

## 2.2. Cơ sở lí luận

Xuất phát từ cơ sở lí luận của đề tài, đặc điểm tâm sinh lí trẻ 5 tuổi có liên quan đến việc theo dõi, đánh giá trẻ.

Xuất phát từ lí luận theo dõi, đánh giá trẻ hiện đại với quan điểm “Lấy trẻ làm trung tâm”.

Xuất phát từ Chương trình GDMN 2009 và Bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi Việt Nam.

Dựa vào khái niệm: “Bộ công cụ theo dõi sự phát triển của trẻ 5 tuổi theo Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi của Việt

Nam gồm các công cụ xác định mức độ đạt các chỉ số để lập kế hoạch giáo dục hướng vào sự phát triển của trẻ theo các lĩnh vực, chuẩn và chỉ số” [3].

Bộ công cụ theo dõi sự phát triển của trẻ 5 tuổi theo Bộ CPTTE 5 tuổi có hình thức phi chuẩn hóa vì chúng được sử dụng thường ngày, hoặc định kì theo năm học, tháng, tuần, và được hoàn thiện dần trong quá trình sử dụng. Nó không đòi hỏi hình thức và cấu trúc thật chặt chẽ như các công cụ chuẩn hóa. Có nhiều dạng phương pháp theo dõi sự phát triển của trẻ tương ứng với các chỉ số cần theo dõi, như: phiếu quan sát, bài tập theo dõi, đề cương trò chuyện, đề cương phân tích sản phẩm, bảng liệt kê các chỉ số theo dõi của cá nhân và lớp, nhóm... Các dạng của bộ công cụ đều chỉ rõ được chỉ số, minh chứng, phương pháp, phương tiện, thời gian, hướng dẫn thực hiện, nhận xét, đánh giá và ghi kết quả. [3]

## 2.3. Cơ sở thực tiễn

### 2.3.1. Sự chỉ đạo của Phòng Mầm non, Sở GD&ĐT TPHCM (Phòng MN)

Chúng tôi đã tổ chức các buổi họp với Phòng MN nhằm trình bày những mong đợi sự trợ giúp về chỉ đạo chuyên môn thực tiễn cho đề tài nghiên cứu và mời một chuyên gia của Phòng MN tham gia như thành viên của đề tài nghiên cứu. Nhóm đề tài đã được sự ủng hộ nhiệt tình của các chuyên gia về GDMN của Sở GD&ĐT TPHCM. Bà Trương Thị Việt Liên - Phó Trưởng phòng MN cũng đồng ý tham gia vào đề tài nghiên cứu.

Bước đầu tiên trong quy trình xây dựng bộ công cụ là “Lựa chọn chỉ số cần theo dõi”. Do đó điều quan trọng của việc

xây dựng Bộ công cụ là phải có được tập hợp các chỉ số cần thiết để đưa vào bộ công cụ. Nhóm đề tài, dưới sự hỗ trợ tích cực của bà Trương Thị Việt Liên, đã tổ chức nhiều cuộc họp với Ban chất lượng thành phố theo 4 cụm và đã tổng hợp được 19 chuẩn, 45 chỉ số khó vào bộ công cụ để nghiên cứu.

2.3.2. *Khảo sát nhu cầu và khả năng tổ chức thực hiện bộ công cụ theo dõi, đánh giá sự phát triển của trẻ mẫu giáo 5 tuổi theo Bộ CPTTE 5 tuổi do Bộ GD&ĐT ban hành năm 2010*

2.3.2.1. *Công cụ khảo sát*

**Bảng 1.** *Mô tả khách thể nghiên cứu*

| Khách thể    | Số lượng (Người) | Tỉ lệ (%)    |
|--------------|------------------|--------------|
| Giảng viên   | 26               | 10,4         |
| CBQL và GVMN | 126              | 50,2         |
| Phụ huynh    | 99               | 39,4         |
| <b>Tổng</b>  | <b>251</b>       | <b>100,0</b> |

2.3.2.3. *Đối tượng nghiên cứu*

Đối tượng nghiên cứu là “120 chỉ số” trong “28 chuẩn” thuộc 4 lĩnh vực trong Bộ CPTTE 5 tuổi Việt Nam và “45 chỉ số khó” theo yêu cầu của Phòng MN. Với đối tượng khảo sát này, nhóm nghiên cứu phân theo các hình thức lựa chọn công cụ (đối với nhu cầu công cụ) gồm quan sát, trò chuyện, sản phẩm, bài tập, trắc nghiệm, bản kiểm kê và phân theo mức độ (đối với khả năng tổ chức thực hiện) gồm 4 mức độ: rất khó, khó, bình thường và dễ.

2.3.2.4. *Kết quả nghiên cứu*

Dựa trên kết quả xử lí và phân tích

Chúng tôi đã xây dựng công cụ khảo sát là các loại phiếu khảo sát ý kiến: Mẫu 1: dành cho cán bộ quản lí và giáo viên mầm non; Mẫu 2: dành cho giảng viên; Mẫu 3: dành cho phụ huynh, nhằm tìm hiểu “*nhu cầu sử dụng*”, “*khả năng tổ chức thực hiện*” các loại hình công cụ tương ứng với 120 chỉ số trong 28 chuẩn thuộc 4 lĩnh vực theo Bộ CPTTE 5 tuổi của Bộ GD&ĐT ban hành năm 2010.

2.3.2.2. *Khách thể nghiên cứu*

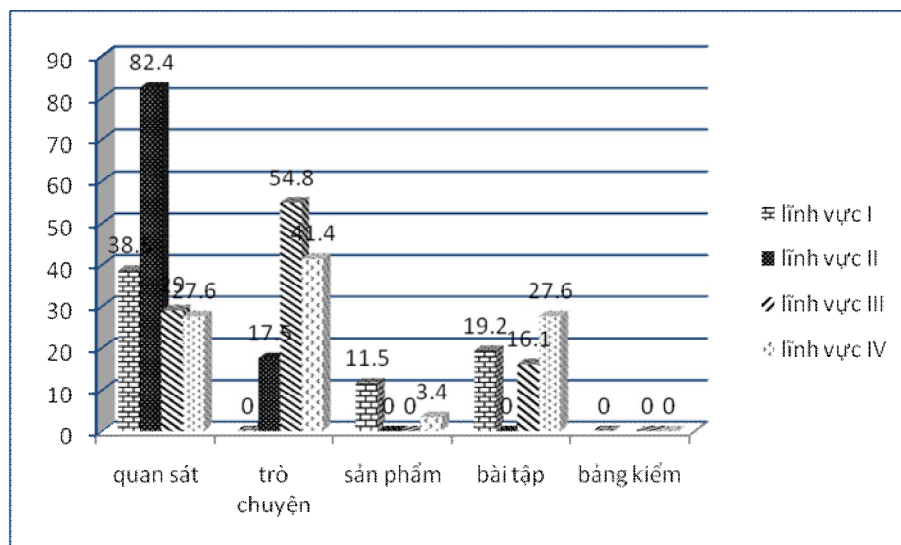
Khách thể nghiên cứu được mô tả cụ thể trong bảng 1 sau đây:

các giá trị thông tin định lượng thu thập được bằng phương pháp so sánh, đối chiếu, kết quả khảo sát cụ thể như sau:

**\* Kết quả chung** (*xem biểu đồ*)

Biểu đồ “Tỉ lệ lựa chọn công cụ theo lĩnh vực của Bộ CPTTE 5 tuổi” dưới đây đã phản ánh nhu cầu lựa chọn công cụ theo dõi, đánh giá sự phát triển của trẻ 5 tuổi với “120 chỉ số” trong “28 chuẩn” thuộc 4 lĩnh vực phát triển trẻ em 5 tuổi của Bộ CPTTE 5 tuổi Việt Nam bao gồm: lĩnh vực phát triển thể chất; tình cảm và mối quan hệ xã hội; ngôn ngữ và giao tiếp; phát triển nhận thức.

**Biểu đồ** Tỷ lệ lựa chọn công cụ theo lĩnh vực của Bộ CPTTE 5 tuổi



- Các chuẩn thuộc lĩnh vực phát triển thể chất: a) có 10/26 chỉ số có tỷ lệ lựa chọn công cụ “quan sát”, 8/26 chỉ số lựa chọn công cụ “trò chuyện”, 3/26 chỉ số lựa chọn công cụ “sản phẩm”, 5/26 lựa chọn công cụ “bài tập” cao nhất để đánh giá các lĩnh vực phát triển thể chất của trẻ. Các lựa chọn công cụ khác (trắc nghiệm, bản kiểm kê) rất thấp; b) khả năng tổ chức thực hiện có 26/26 chỉ số có tỷ lệ đánh giá mức “bình thường” cao nhất, có 9/26 chỉ số có tỷ lệ đánh giá “khó” khá cao.

- Các chuẩn thuộc lĩnh vực phát triển tình cảm và mối quan hệ xã hội: a) có 28/34 chỉ số lựa chọn công cụ “quan sát”, 6/34 chỉ số lựa chọn công cụ “trò chuyện” cao nhất để đánh giá các lĩnh vực phát triển tình cảm và mối quan hệ xã hội của trẻ. Các lựa chọn công cụ khác rất thấp; b) có 33/34 chỉ số có tỷ lệ đánh giá mức “bình thường” cao nhất và có 1/34 chỉ số (chỉ số 53) có tỷ lệ đánh giá tại mức “khó” cao nhất.

- Các chuẩn thuộc lĩnh vực phát triển ngôn ngữ và giao tiếp: a) có 9/31 chỉ số lựa chọn công cụ “quan sát”, 17/31 chỉ số lựa chọn công cụ “trò chuyện” và 5/31 chỉ số lựa chọn công cụ “bài tập” cao nhất, tỷ lệ lựa chọn các công cụ khác đều thấp; b) có 31/31 chỉ số có tỷ lệ đánh giá cao nhất tại mức “bình thường”.

- Các chuẩn thuộc lĩnh vực phát triển nhận thức: a) có 8/29 chỉ số có tỷ lệ lựa chọn công cụ “quan sát”, 12/29 có tỷ lệ lựa chọn công cụ “trò chuyện”, 1/29 có tỷ lệ lựa chọn công cụ “sản phẩm” và có 8/29 chỉ số có tỷ lệ lựa chọn công cụ “bài tập” cao nhất để đánh giá các lĩnh vực phát triển nhận thức của trẻ; b) có 28/29 chỉ số có tỷ lệ đánh giá tại mức “bình thường” cao nhất và 1/29 (chỉ số 111) có tỷ lệ đánh giá tại mức “khó” cao nhất.

Tóm lại, với 120 chỉ số có tỷ lệ lựa chọn tập trung vào 4 công cụ đánh giá là quan sát, trò chuyện, bài tập và phân tích sản phẩm của trẻ. Khả năng tổ chức thực hiện có 118/120 chỉ số được đánh giá ở

mức “bình thường” và có 2/120 chỉ số được đánh giá rằng khả năng tổ chức thực hiện “khó”.

Từ 120 chỉ số của Bộ CPTTE 5 tuổi, chúng tôi phân tích kỹ nhu cầu sử dụng các công cụ theo dõi, đánh giá sự phát triển của trẻ ở phạm vi 45 chỉ số theo yêu cầu của Phòng MN.

**\* Các chuẩn thuộc từng lĩnh vực**

**- Các chuẩn thuộc lĩnh vực phát triển thể chất**

**Chuẩn 1 (4). Trẻ thể hiện sức mạnh, sự nhanh nhẹn và dẻo dai của cơ thể**

Số liệu thống kê cho thấy, chỉ số 1

(14) có tỉ lệ lựa chọn công cụ là “quan sát” cao nhất (79,6%). Trong đó đáng chú ý là chỉ số 14 – chỉ số khó thì số liệu thống kê cho thấy 144 người (61%) đánh giá “bình thường”, 45 người (19%) cho rằng “dễ” và 45 người (19%) đánh giá là “khó”.

**Chuẩn 2 (5). Trẻ có hiểu biết, thực hành vệ sinh cá nhân và dinh dưỡng (xem bảng 2)**

Chỉ số 2 (20) đa số người được hỏi có nhu cầu lựa chọn công cụ “trò chuyện” (chỉ số 19 chiếm tỉ lệ 69,2%, chỉ số 2 (20) chiếm tỉ lệ 84,9%), các chỉ số khác chiếm tỉ lệ rất thấp.

**Bảng 2. Tỉ lệ % lựa chọn công cụ chuẩn 2 (5)**

| CÔNG CỤ      | CHỈ SỐ       |
|--------------|--------------|
|              | 20           |
| Quan sát     | 6,8          |
| Trò chuyện   | 69,2         |
| Sản phẩm     | 2,1          |
| Bài tập      | 15,1         |
| Trắc nghiệm  | 6,2          |
| Bảng kiểm kê | 0,7          |
| <b>TỔNG</b>  | <b>100,0</b> |

Đáng chú ý ở chỉ số 2 (20) – chỉ số khó (biết và không ăn một số thứ có hại cho sức khỏe) có 55 người chiếm 23,3% cho rằng khả năng tổ chức thực hiện là “khó”.

**Chuẩn 3 (6). Trẻ có hiểu biết và thực hành an toàn cá nhân**

Chỉ số 3 (21) có 35,3% người lựa chọn “trò chuyện”, 30,7% lựa chọn “bài tập”, 24,7% lựa chọn “quan sát”; chỉ số 4 (22) có 55,3% lựa chọn “trò chuyện”, 23,7% lựa chọn “quan sát”; chỉ số 5 (24) có 71,8% lựa chọn “trò chuyện”; chỉ số 6

(26) có 67,1% lựa chọn “trò chuyện”, các chỉ số khác thấp.

Khả năng tổ chức thực hiện 4 chỉ số thuộc chuẩn 3 (6) đáng chú ý: Mặc dù tỉ lệ số người cho rằng khả năng tổ chức thực hiện là “bình thường” (từ 48%-52%), nhưng số người nhận định khả năng tổ chức thực hiện là “khó” chiếm tỉ lệ khá cao, trong đó: chỉ số 3 (21) - chỉ số khó có 71 người (28,5%); chỉ số 4 (22) - chỉ số khó có 79 người (33,8%); chỉ số 5 (24) - chỉ số khó; chỉ số 6 (26) - chỉ số khó có 65 người (26,9%).

- Các chuẩn thuộc lĩnh vực phát triển tình cảm và quan hệ xã hội

**Chuẩn 4 (7). Trẻ thể hiện sự nhận thức về bản thân**

Chỉ số 7 (28) có 42,8% lựa chọn “quan sát” và “trò chuyện” chỉ có 40,1%; chỉ số 30 có 59,3% lựa chọn “trò chuyện” và 26% lựa chọn “quan sát”.

Về khả năng tổ chức thực hiện: chỉ số 8 (30) – chỉ số khó, mặc dù tỉ lệ cho rằng “bình thường” (từ 44,9% – 59,1%) nhưng số người nhận định là “khó” cũng khá cao (36,2%).

**Chuẩn 5 (8). Trẻ tin tưởng vào khả năng của bản thân (4 chỉ số)**

Thông kê cho thấy: chỉ số 9 (31), 10 (33) có tỉ lệ người lựa chọn công cụ “quan sát” cao nhất, lần lượt là 55,29%,

và 68,7%; riêng chỉ số 33 có 78,7% lựa chọn “trò chuyện” và chỉ có 16,7% lựa chọn “quan sát”.

Khả năng tổ chức thực hiện của 2 chỉ số: đa số những người được hỏi đều cho rằng “bình thường” (từ 46,4% đến 60%) và “dễ” (từ 21,8 đến 36,4%). Tuy nhiên, ở chỉ số 9 (31) và chỉ số 10 (33), số người nhận định khó chiếm tỉ lệ khá cao, lần lượt là 26,6% và 25,0%.

**Chuẩn 6 (9). Trẻ biết cảm nhận và thể hiện cảm xúc (xem bảng 3)**

Ý kiến khảo sát lựa chọn công cụ “quan sát” chiếm tỉ lệ cao nhất, trong đó: Chỉ số 11 (34), 12 (35), 13 (37), 14 (38), 15 (39) có tỉ lệ cao nhất, từ 55,1% (chỉ số 36) đến 69,1% (chỉ số 38).

**Bảng 3. Tỉ lệ % lựa chọn công cụ chuẩn 6 (9)**

| CÔNG CỤ      | CHỈ SỐ       |              |              |              |              |
|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
|              | 11(34)       | 12 (35)      | 13 (37)      | 14 (38)      | 15 (39)      |
| Quan sát     | 55,1         | 58,2         | 60,9         | 69,1         | 66,9         |
| Trò chuyện   | 29,3         | 27,6         | 31,8         | 11,0         | 23,2         |
| Sản phẩm     | 3,4          | 0            | 4,6          | 16,2         | 3,5          |
| Bài tập      | 3,4          | 8,2          | 0,7          | 2,2          | 3,5          |
| Trắc nghiệm  | 2,7          | 4,5          | 0            | 0            | 1,4          |
| Bảng kiểm kê | 6,1          | 1,5          | 2,0          | 1,5          | 1,4          |
| <b>TỔNG</b>  | <b>100,0</b> | <b>100,0</b> | <b>100,0</b> | <b>100,0</b> | <b>100,0</b> |

Về khả năng tổ chức thực hiện, tỉ lệ đánh giá cao nhất tại mức “bình thường” từ 43% đến 56%. Tuy nhiên, đáng chú ý là kết quả khảo sát 5 chỉ số khó: chỉ số 11 (34), 12 (35), 13 (37), 14 (38), 15 (39) - chỉ số khó nhưng tỉ lệ đánh giá mức “khó” chỉ từ 4,9% (chỉ số 38) đến 23% (chỉ số 37).

**Chuẩn 7 (10). Trẻ có mối quan hệ tích cực với bạn bè và người lớn**

Các chỉ số 7 (10) cho thấy người được hỏi lựa chọn công cụ “quan sát” chiếm tỉ lệ cao nhất, từ 52% (chỉ số 44) đến 78,7% (chỉ số 45), tuy nhiên chỉ số 44 và 45 cũng có tỉ lệ lựa chọn “trò chuyện” khá cao, từ 22% đến 33%. Tỉ lệ lựa chọn các công cụ khác đều thấp.

Kết quả khảo sát khả năng tổ chức thực hiện 2 chỉ số chuẩn 7 (10) cho thấy hai chỉ số 44 và 45 - chỉ số khó có 37

người, chiếm 14,7% (chỉ số 44) và 51 người, chiếm 21,3% (chỉ số 45) cho rằng khả năng tổ chức thực hiện là “khó”.

**Chuẩn 8 (12). Trẻ có các hành vi thích hợp trong ứng xử xã hội** (xem bảng 4)

Các chỉ số có lựa chọn công cụ

“quan sát” để đánh giá trẻ của chuẩn 8 (12) có tỉ lệ cao nhất, lần lượt *chỉ số 55* có 45,9% (trong khi đó lựa chọn “quan sát” có 35,1%) và *chỉ số 56* có 41,1% (trong khi đó lựa chọn “quan sát” có 29,1% và “bài tập” 15,1%).

**Bảng 4. Tỉ lệ % lựa chọn công cụ chuẩn 8 (12)**

| CÔNG CỤ      | CHỈ SỐ       |              |
|--------------|--------------|--------------|
|              | 18 (55)      | 19 (56)      |
| Quan sát     | 35,1         | 29,1         |
| Trò chuyện   | 45,9         | 41,1         |
| Sản phẩm     | 3,4          |              |
| Bài tập      | 8,8          | 15,6         |
| Trắc nghiệm  | 4,7          | 12,1         |
| Bảng kiểm kê | 2,0          | 2,1          |
| <b>TỔNG</b>  | <b>100,0</b> | <b>100,0</b> |

Khả năng tổ chức thực hiện 2 chỉ số chuẩn 8 (12) cho thấy: 2 chỉ số 55 và 56 - *chỉ số khó* có tỉ lệ nhận định “bình thường” cao nhất, tuy nhiên tỉ lệ nhận định “khó” cũng khá cao, lần lượt là 48 người chiếm 19,5% (chỉ số 55) và 60 người chiếm 24,5% (chỉ số 56).

**Chuẩn 9 (13). Trẻ thể hiện sự tôn trọng người khác (3 chỉ số)**

Tỉ lệ lựa chọn công cụ “trò chuyện” cao nhất cho chỉ số 20 (58) có 68,5% (lựa chọn “quan sát” chỉ có 19,2%) và *chỉ số 21 (59)* có 49,3% (lựa chọn “quan sát” có 33,3%); riêng *chỉ số 22 (60)* tỉ lệ lựa chọn công cụ “quan sát” có tỉ lệ cao nhất là 55% (lựa chọn “trò chuyện” có 24,2%). Về khả năng tổ chức thực hiện, đây là 3 *chỉ số khó* và kết quả khảo sát cho thấy tỉ lệ nhận định tại mức “bình thường” là cao nhất. Tuy nhiên, tỉ lệ số người đánh

giá khả năng tổ chức thực hiện ở mức “khó” khá cao: chỉ số 58 có 59 người chiếm 24,4%; chỉ số 59 có 81 người chiếm 32,9%; chỉ số 60 có 89 người chiếm 38,2%.

- **Các chuẩn thuộc lĩnh vực phát triển ngôn ngữ và giao tiếp**

**Chuẩn 10 (14). Trẻ nghe hiểu lời nói**

*Chỉ số 23 (61)* có tỉ lệ lựa chọn công cụ “quan sát” cao nhất (56,7%). Khả năng tổ chức thực hiện chỉ số 23 (61) - *chỉ số khó* có 57,1% (đánh giá “khó” chỉ có 20,2% so với mức “dễ” có 20,6).

**Chuẩn 11 (15). Trẻ biết sử dụng lời nói để giao tiếp** (xem bảng 5 và 6)

Thống kê số liệu khảo sát 5 chỉ số thuộc chuẩn 11 (15) cho thấy có 3/5 chỉ số được lựa chọn công cụ “trò chuyện”



với tỉ lệ rất cao: *Chỉ số 24(65)* có 77,1% (quan sát có 13%); *chỉ số 25 (66)* có 60% (quan sát có 15%, bài tập có 16%); *chỉ số 26 (67)* có 75,5% (quan sát 10,9%); chỉ số 27 (71) có 55,2% lựa chọn “trò

chuyện” so với 26,9% lựa chọn “bài tập”; chỉ số 28 (72) có 74,1% lựa chọn “trò chuyện” so với 12,93% lựa chọn “quan sát”. Các lựa chọn khác đều rất thấp.

**Bảng 5. Tỉ lệ % lựa chọn công cụ chuẩn 11 (15)**

| CÔNG CỤ      | CHỈ SỐ       |              |              |              |              |
|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
|              | 24 (65)      | 25 (66)      | 26 (67)      | 27 (71)      | 28 (72)      |
| Quan sát     | 13,0         | 15,2         | 10,9         | 10,4         | 12,9         |
| Trò chuyện   | 77,1         | 60,0         | 75,5         | 55,2         | 74,1         |
| Sản phẩm     | 1,5          | 4,1          | 3,4          | 6,0          | 1,4          |
| Bài tập      | 3,8          | 16,6         | 9,5          | 26,9         | 8,6          |
| Trắc nghiệm  | 3,8          | 3,4          |              | 0,7          | 1,4          |
| Bảng kiểm kê | 0,8          | 0,7          | 0,7          | 0,7          | 1,4          |
| <b>TỔNG</b>  | <b>100,0</b> | <b>100,0</b> | <b>100,0</b> | <b>100,0</b> | <b>100,0</b> |

Xét về tổng thể, số liệu khảo sát cho thấy khả năng tổ chức thực hiện 5 chỉ số chuẩn 11 (15) có tỉ lệ đánh giá tại mức “bình thường và dễ” cao nhất. Trong đó, có 3 *chỉ số khó* (65, 66 và 67) được đánh giá tại mức “bình thường và dễ” rất cao so với đánh giá mức “khó”; 2 chỉ số 71 và 72 được đánh giá ở mức “khó” khá cao: chỉ số 71 có 57/228 người - 25% và chỉ số 72 có 76/235 người - 32,3%.

**Bảng 6. Tỉ lệ % đánh giá khả năng tổ chức thực hiện chuẩn 11 (15)**

| MỨC         | CHỈ SỐ       |              |              |              |              |
|-------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
|             | 24 (65)      | 25 (66)      | 26 (67)      | 27 (71)      | 28 (72)      |
| Rất khó     | 1,7          | 1,4          | 0,8          | 0,9          | 6,4          |
| Khó         | 3,5          | 18,2         | 22,8         | 25,0         | 32,3         |
| Bình thường | 51,1         | 56,4         | 54,4         | 50,4         | 42,1         |
| Dễ          | 43,7         | 24,1         | 21,9         | 23,7         | 19,1         |
| <b>TỔNG</b> | <b>100,0</b> | <b>100,0</b> | <b>100,0</b> | <b>100,0</b> | <b>100,0</b> |

**Chuẩn 12 (16). Trẻ thực hiện một số quy tắc thông thường trong giao tiếp**

Kết quả khảo sát 2 chỉ số: chỉ số 29 (74) có 56% chọn công cụ quan sát, 38 % chọn công cụ trò chuyện; chỉ số 30 (78) có 48% chọn phương pháp quan sát, 34% chọn trò chuyện.

Về khả năng tổ chức thực hiện, kết quả khảo sát cho thấy: 2 *chỉ số khó* (chỉ

số 29 (74) và 30 (78) được đánh giá khả năng tổ chức thực hiện tại mức “bình thường và dễ” rất cao;

**Chuẩn 13 (18). Trẻ thể hiện một số hành vi ban đầu của việc đọc (4 chỉ số)**

*Chỉ số 31 (82)* có 71,8%; *chỉ số 32 (85)* có 56,2% (bài tập có 26,7%). Riêng *chỉ số 82*, mặc dù tỉ lệ công cụ “trò chuyện” cao nhất 32% nhưng các lựa chọn

“quan sát” (25,3%) và “bài tập” (28%) gần như tương đồng nhau. Khả năng tổ chức thực hiện 2 chỉ số của chuẩn 13 (18) được đánh giá mức “bình thường và dễ” rất cao (chiếm trên 80%).

**Chuẩn 14 (19). Trẻ thể hiện một số hiểu biết ban đầu về việc viết (6 chỉ số)** (xem bảng 7)

Tỉ lệ lựa chọn công cụ “bài tập” cao nhất: *chỉ số 34 (87)* có 40,6% (sản phẩm có 24%, quan sát có 22%); riêng *chỉ số 33 (86)* lựa chọn “quan sát” và “trò

chuyện” đều có tỉ lệ tương đương bằng 33% (bài tập có 19%).

Xét khả năng tổ chức thực hiện: chỉ số 33 (86) - *chỉ số khó* có tỉ lệ đánh giá tại mức “khó” và “bình thường” tương đương nhau lần lượt là 38,8% và 39,3%; riêng chỉ số 34 (87) - *chỉ số khó* được đánh giá khả năng tổ chức thực hiện tại mức “khó” cao nhất có 90/208 người chiếm 43,3% (mức “bình thường” có 42,8%).

**Bảng 7. Tỉ lệ % đánh giá khả năng tổ chức thực hiện chuẩn 14 (19)**

| MỨC         | CHỈ SỐ       |              |
|-------------|--------------|--------------|
|             | 33 (86)      | 34 (87)      |
| Rất khó     | 7,0          | 7,2          |
| Khó         | 38,8         | 43,3         |
| Bình thường | 39,3         | 42,8         |
| Dễ          | 14,9         | 6,7          |
| <b>TỔNG</b> | <b>100,0</b> | <b>100,0</b> |

- **Các chuẩn thuộc lĩnh vực nhận thức**

**Chuẩn 15 (20). Trẻ thể hiện một số hiểu biết về môi trường tự nhiên**

Ở chuẩn 15 (20), *chỉ số 35 (94)* có 70,5%; *chỉ số 36 (95)* có 61,1% (quan sát có 22,1%). Kết quả đánh giá khả năng tổ chức thực hiện cho thấy các chỉ số 35 (94) và 36 (95) mặc dù có tỉ lệ đánh giá mức “bình thường và dễ” cao nhất nhưng số người nhận định tại mức “khó” khá cao: chỉ số 36 (95) - *chỉ số khó* có 62/238 người chiếm 26,1% và chỉ số 36 (95) -

*chỉ số khó* có 85/245 người chiếm 34,7%.

**Chuẩn 16 (21). Trẻ thể hiện một số hiểu biết về môi trường xã hội**

Riêng chỉ số 37 (96) có tỉ lệ lựa chọn công cụ “bài tập” cao nhất 64,8% (quan sát có 17,9%).

**Chuẩn 17 (22). Trẻ thể hiện một số hiểu biết về âm nhạc và tạo hình** (xem bảng 8)

Kết quả khảo sát cho thấy *chỉ số 38 (103)* có tỉ lệ lựa chọn công cụ “trò chuyện” nhiều nhất, chiếm 63,7% (sản phẩm 17,8%).

**Bảng 8. Tỷ lệ % lựa chọn công cụ chuẩn 17 (22)**

| CÔNG CỤ      | CHỈ SỐ       |
|--------------|--------------|
|              | 38 (103)     |
| Quan sát     | 11,6         |
| Trò chuyện   | 63,7         |
| Sản phẩm     | 17,8         |
| Bài tập      | 4,8          |
| Trắc nghiệm  | 0,7          |
| Bảng kiểm kê | 1,4          |
| <b>TỔNG</b>  | <b>100,0</b> |

**Chuẩn 18 (25). Trẻ có một số nhận biết ban đầu về thời gian**

Kết quả khảo sát cho thấy tỉ lệ lựa chọn công cụ đánh giá chuẩn 25 đều tập trung vào công cụ “trò chuyện”: *chỉ số 110* có 60,7% (tuy nhiên “bài tập” cũng đáng chú ý khi chiếm đến 21,3%); *chỉ số 111* có 51,3% (trương tự *chỉ số 110*, tỉ lệ chọn “bài tập” khá cao chiếm tỉ lệ 30%).

Xét kết quả khảo sát về khả năng tổ chức thực hiện: *chỉ số 110 - chỉ số khó*, mặc dù tỉ lệ đánh giá mức “bình thường và dễ” cao (79,3%) nhưng tỉ lệ mức “khó” khá ấn tượng khi có 50 người chọn, chiếm 20,7%. Đặc biệt, *chỉ số 111 - chỉ số khó*, tỉ lệ đánh giá mức “khó” cao hơn mức “bình thường” (38,5% so với 33,8%), mặc dù vậy vẫn có 53 người đánh giá là “dễ”, chiếm 22,9%.

**Chuẩn 19 (28). Trẻ thể hiện khả năng sáng tạo**

Kết quả khảo sát 4 *chỉ số (chỉ số khó)* thuộc chuẩn 19 (28): có 2 *chỉ số* có tỉ lệ lựa chọn “trò chuyện” cao nhất: *chỉ số 117* có 61,5% (bài tập 21,3%) và *chỉ số 120* có 41,7% (quan sát có 28,1% và bài tập có 20,9%); 2 *chỉ số* có tỉ lệ lựa

chọn công cụ “quan sát” cao nhất: *chỉ số 118* có 62,2% (bài tập 16,2%) và *chỉ số 119* có 45,9% (trò chuyện 18,9% và sản phẩm 17,6%).

Kết quả khảo sát khả năng tổ chức thực hiện chuẩn 28 cho thấy mặc dù tỉ lệ đánh giá mức “bình thường” và “dễ” chiếm tỉ lệ cao nhất (trên 55%), tuy nhiên tỉ lệ đánh giá tại mức “khó” cũng cần quan tâm: *chỉ số 117* có 57 người chiếm 23,3%; *chỉ số 118* có 66 người chiếm 27,4%; *chỉ số 119* có 102 người chiếm 42%; *chỉ số 120* có 53 người chiếm 21,6%. [4]

**3. Kết luận**

Kết quả khảo sát cho thấy:

- Nhu cầu sử dụng các công cụ theo dõi, đánh giá trẻ mẫu giáo theo Bộ CPTTENT Việt Nam của các mẫu nghiên cứu tại TPHCM tập trung vào 4 phương pháp: Quan sát; Trò chuyện; Sản phẩm và Bài tập.

- Khả năng tổ chức thực hiện các công cụ trong việc theo dõi, đánh giá trẻ mẫu giáo được đánh giá bình thường.

- Những phân tích, đánh giá trên đây góp phần trả lời, giải quyết một số vấn đề

thực tiễn đáng quan tâm sau hơn ba năm áp dụng và triển khai Bộ CPTTE 5 tuổi tại các cơ sở giáo dục trên toàn quốc nói chung và TPHCM nói riêng.

- Kết quả khảo sát là minh chứng làm

cơ sở khoa học để xây dựng Bộ công cụ theo dõi, đánh giá sự phát triển của trẻ mẫu giáo 5 tuổi dựa trên Bộ CPTTE 5 tuổi Việt Nam phù hợp với nhu cầu thực tiễn của GDMN.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Dự thảo hướng dẫn sử dụng sử dụng chuẩn phát triển trẻ em Việt Nam*.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Thông tư số 23/2010/TT-BGDĐT quy định về Bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi*.
3. Lê Bích Ngọc (2013), *Thiết kế công cụ phi chuẩn hóa dựa vào bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi của Việt Nam*, Kì yếu Hội thảo “Công cụ theo dõi, đánh giá sự phát triển của trẻ mẫu giáo 5 tuổi”, Nxb Đại học Sư phạm TPHCM.
4. Cao Văn Thống (2013), *Khảo sát nhu cầu và khả năng tổ chức thực hiện bộ công cụ theo dõi, đánh giá sự phát triển của trẻ mẫu giáo năm tuổi theo Bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành năm 2010*, Kì yếu Hội thảo khoa học “Công cụ theo dõi, đánh giá sự phát triển của trẻ mẫu giáo 5 tuổi”.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 17-8-2013; ngày phản biện đánh giá: 24-10-2013; ngày chấp nhận đăng: 16-01-2014)